

Cáp động cơ NEBM-M23G15-EH-7.5-Q10N-R3LEG14

Số bộ phận: 5251390

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Dựa trên tiêu chuẩn	EN 61984
Tên cáp	không giá biển báo
trọng lượng sản phẩm	3375 g
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm kết hợp
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M23x1
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	15
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	12
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Giắc cắm và cáp
Cổng nối điện 2, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	RJ45 và đầu mở
Cổng nối điện 2, số cực/dây	14
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	12
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...850 V
Dải điện áp hoạt động AC	0 V...630 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	23.7 A
Độ chịu điện áp xung	6 kV
Chiều dài cáp	7.5 m
Đặc điểm dây dẫn	thích hợp cho máng xích
Dòng điều kiện kiểm tra	Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	55.6 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	97.3 mm
Đường kính cáp	13.9 mm
Dung sai đường kính cáp	± 0,3 mm
Cấu tạo cáp	4 x 2,5 mm ² + 1 x (2 x 1,0 mm ²) + 1 x (2 x ,24 mm ² + 2 x 2 x ,15 mm ²) được che chắn

Đặc tính	Giá trị
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.15 mm ² 0.24 mm ² 1 mm ² 2.5 mm ²
Đầu dây	Măng sông sắt
Mức độ bảo vệ	IP67
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-40 °C...90 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-25 °C...80 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị điện áp thấp của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	1 - ứng suất ăn mòn thấp
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ cách điện	PP